

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT**  
**PHẠM VĂN RỪ**

*Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024*

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT**  
**PHẠM VĂN RỪ**

CHỦ CƠ SỞ

*Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024*

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH SÁCH BẢNG</b> .....	<b>iv</b>
<b>DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>vi</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>1</b>
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào.....	7
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu .....	9
4.3. Nhu cầu cung cấp điện, nước .....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	11
5.1. Quá trình xây dựng trang trại .....	11
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	11
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị.....	18
5.4. Tổ chức quản lý của Cơ sở .....	19
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>20</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	20
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường .....	20
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>22</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22

1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	22
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	23
1.3. Xử lý nước thải.....	23
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	28
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường .....	29
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	29
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi.....	29
4. Công trình, biện pháp lưu giữ , xử lý chất thải nguy hại.....	31
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung.....	33
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố .....	34
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải .....	34
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải.....	34
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh .....	35
6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	38
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học .....	38
<b>CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>39</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	39
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	40
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	40
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	41
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>44</b>
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>46</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	46
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	46
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	46
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	46

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở .....	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	47
<b>CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>48</b>
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>49</b>
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường .....	49
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan .....	49
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO.....</b>	<b>51</b>

## DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở .....	1
Bảng 1.2. Thống kê lượng thức ăn sử dụng .....	6
Bảng 1.3. Nguyên – vật liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở ....	7
Bảng 1.4. Lượng nước cấp cho gà uống tại cơ sở.....	8
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	10
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở .....	17
Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b> 7
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở.....	30
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	32
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép .....	38
Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép .....	39
Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung .....	40
Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.....	41
Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở .....	42
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	43
Bảng 6.1. Tổng kinh phí giám sát môi trường .....	46

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở .....	2
Hình 1.2. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh .....	2
Hình 1.3. Quy trình nuôi gà của cơ sở .....	4
Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm .....	14
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	23
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn .....	24
Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở.....	25

## DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BGTVT	Bộ Giao thông vận tải
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
ND – CP	Nghi định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc Hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới



## CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư
- Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Rư
- Điện thoại: 0913.862.170

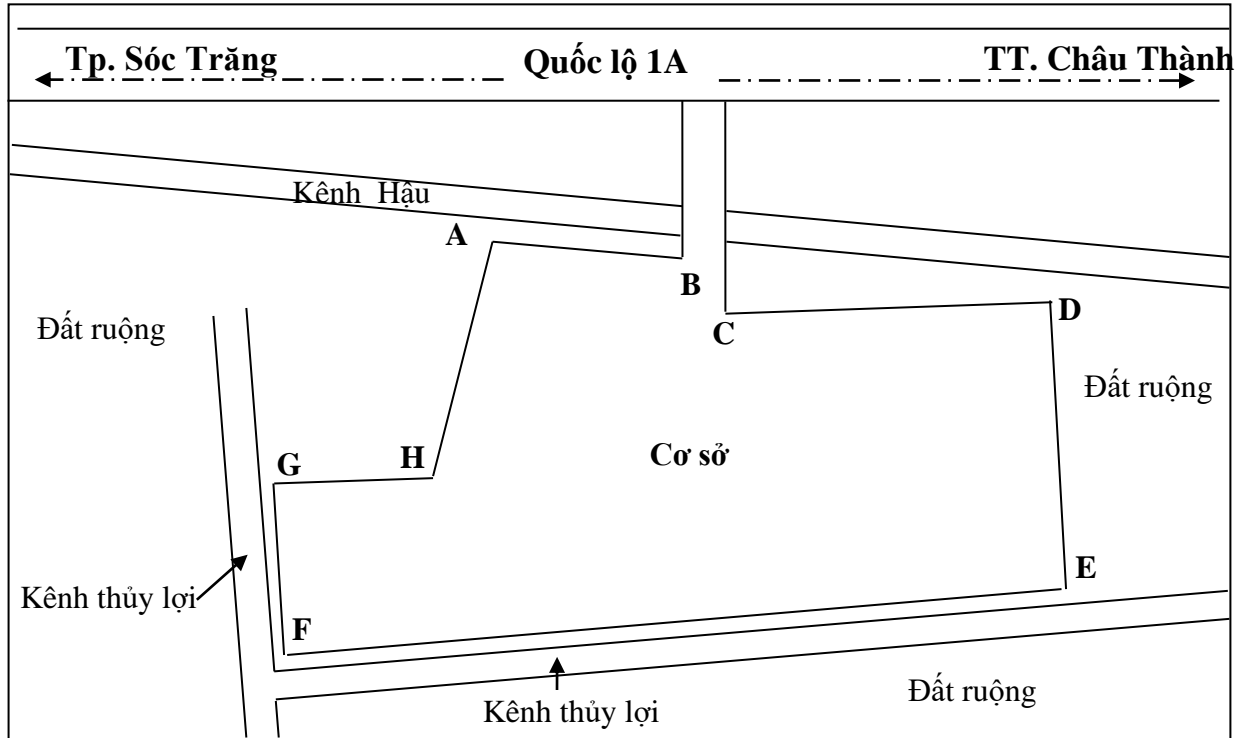
### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà thịt Phạm Văn Rư.
- Địa điểm hoạt động: Cơ sở tọa lạc tại Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất thực hiện cơ sở là 38.589 m<sup>2</sup>.
- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
  - Phía Bắc: Giáp kênh thủy lợi và đất ruộng;
  - Phía Nam: Giáp kênh thủy lợi và đất ruộng;
  - Phía Đông : Giáp kênh thủy lợi và đất ruộng;
  - Phía Tây : Giáp kênh Hậu, đất vườn của dân, nhà dân và Quốc lộ 1A.

**Bảng 1.1 Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở**

STT	Vị trí	Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000), kinh tuyến trực 105 <sup>0</sup> 30', múi chiều 6 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y (m)
1	A	1068417	547132
2	B	1068469	547096
3	C	1068498	547105
4	D	1068631	546999
5	E	1068672	547044
6	F	1068476	577343

7	G	1068425	547300
8	H	1068477	547244



Hình 1.1 Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở



Hình 1.2: Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

- Các đối tượng tự nhiên:

+ Hệ thống giao thông: đường giao thông gần khu vực của Cơ sở là Quốc lộ 1A, xung quanh khu vực Cơ sở còn có Tỉnh lộ 938 nối Quốc lộ 1A với trung tâm huyện Kế Sách khoảng 300m về hướng Bắc (hướng đi Sóc Trăng).

+ Hệ thống thủy lợi: giáp với Cơ sở là kênh thủy lợi nội đồng, kênh Hậu; xung quanh Cơ sở có sông Ngã Bảy- Sóc Trăng (cách Cơ sở khoảng 200m về hướng Tây Nam) và các kênh thủy lợi nội đồng khác.

- Các đối tượng kinh tế xã hội: Cách cơ sở khoảng 200m về hướng đi Tp. Sóc Trăng là UBND xã An Hiệp; cách Cơ sở khoảng 2,1km là Khu công nghiệp An Nghiệp. Ngoài ra, xung quanh Cơ sở chủ yếu là nhà dân ven Quốc lộ 1A và các cửa hàng kinh doanh, buôn bán thức ăn, tạp hóa nhỏ lẻ.

- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh trang trại có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.

- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.*)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao sinh học lưu chứa bên trong cơ sở.

- Quy mô: Trang trại được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 38.589 m<sup>2</sup> bao gồm diện tích đất xây dựng các trại gà, nhà làm việc, các đài nước, hệ thống các ao mương,...

+ Trang trại nuôi 155.000 con gà thịt/đợt nuôi được chia vào 07 dãy trại nuôi, cụ thể: chuồng 1 nuôi 15.000 con/đợt, chuồng 2,3 mỗi chuồng nuôi 30.000 con/đợt, chuồng 4,5,6,7 mỗi chuồng nuôi 20.000 con/đợt, thời gian nuôi 4 tháng/đợt. Mỗi năm trang trại sẽ nuôi 3 đợt gà với tổng số 465.000 con gà thịt.

+ Tổng số vốn đầu tư là: 4.850.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Cơ sở đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp- Công ty TNHH Dư Hoài” tại QĐ số: 602/QĐ-UBND ngày 22/3/2017.

- Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Công văn số 1666/GXN-STNMT ngày 28 tháng 11

năm 2016 về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Trại chăn nuôi gà đẻ trứng- DNTN Trần Thanh Đại”.

- Cơ sở có tiêu chí môi trường thuộc Mục I.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

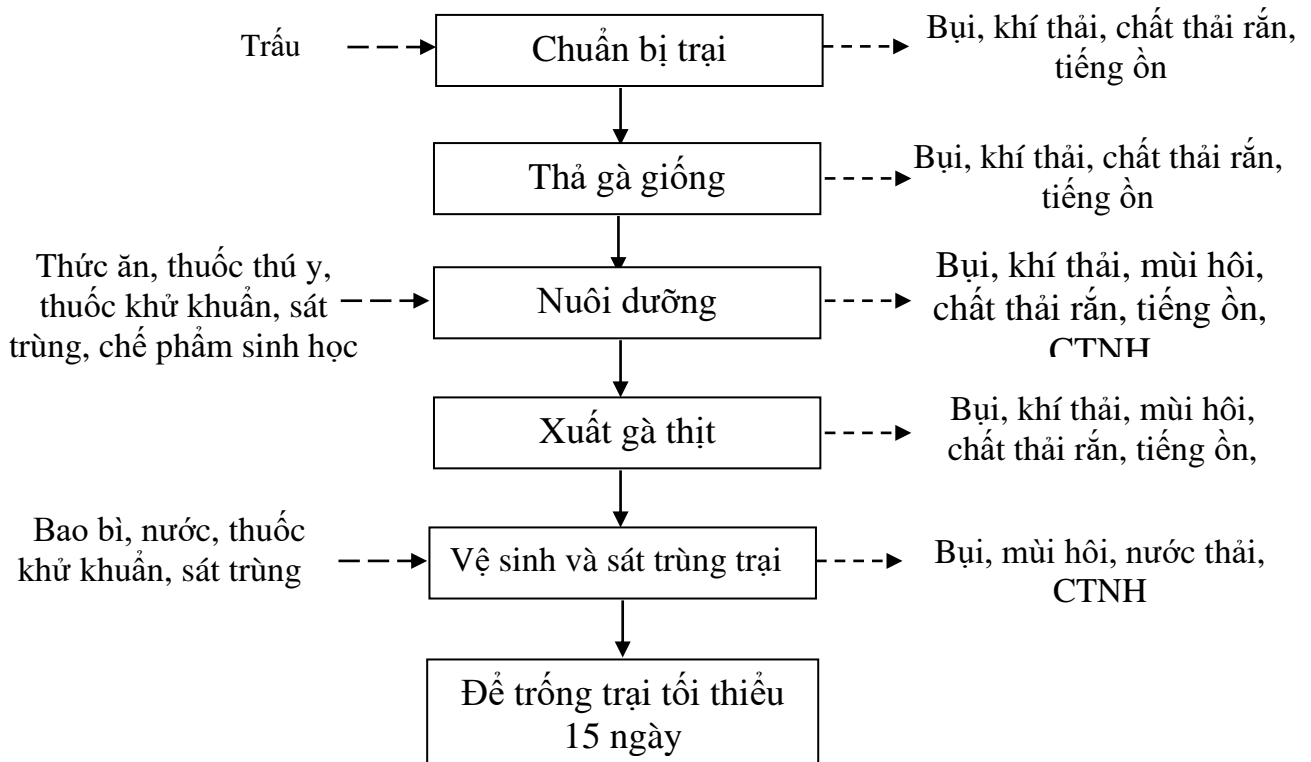
#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Trang trại của Ông Phạm Văn Rur hoạt động với quy mô là 07 dãy trại gà gà thịt, số lượng gà từ 155.000 con/đợt nuôi, thời gian nuôi 4 tháng/đợt, sau mỗi đợt nuôi trại nghỉ từ 15 ngày để vệ sinh chuồng trại, chuẩn bị cho lứa gà mới. Như vậy, mỗi năm chăn nuôi 3 đợt với tổng số 465.000 con gà thịt.

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 38.589 m<sup>2</sup>. Vị trí xây dựng đều thuộc tờ bản đồ số 06 gồm các thửa: thửa số 89, diện tích 27.059 m<sup>2</sup>; thửa số 65, diện tích 5.418 m<sup>2</sup>; thửa số 2706, diện tích 3.520 m<sup>2</sup>; thửa số 2700, diện tích 2.592 m<sup>2</sup>. Toạ lạc tại ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình nuôi gà được thực hiện như sau:



### Hình 1.3: Quy trình nuôi gà của cơ sở

#### Thuyết minh quy trình:

Quy trình chăn nuôi gà của qua các công đoạn sau:

*Công đoạn chuẩn bị trại và úm gà con:*

- Chuẩn bị trại: Trước khi tiến hành vụ nuôi, công nhân sẽ tiến hành dọn dẹp, chuẩn bị trại nuôi. Các công việc chuẩn bị như sau:

+ Vệ sinh sạch và sát trùng kỹ máng ăn, uống trước khi sử dụng.

+ Vệ sinh tẩy uế và sát trùng chuồng trại.

+ Kiểm tra các thiết bị chăn nuôi để đảm bảo chúng hoạt động tốt trong quá trình nuôi.

- Thả gà giống: Gà giống 01 ngày tuổi được Công ty cung cấp con giống vận chuyển đến cơ sở. Công nhân sẽ vận chuyển các thùng chứa gà giống vào trại nuôi, sau đó thả gà ra các khu quây úm đã được chuẩn bị sẵn, công tác quây úm như sau:

+ Khu quây úm phải được chuẩn bị kỹ, mỗi khu quây úm có đường kính 2m cho 500 con gà, độ cao quây khoảng 40 – 50 cm.

+ Đèn úm bằng bóng đèn dây tóc 75W (chuyên dụng) , mỗi bóng đèn có thể úm được từ 100 – 110 con gà.

- Chất độn chuồng: chất độn chuồng là trấu đã được phơi khô và xịt sát trùng, lớp trấu có bề dày khoảng 10cm.

Áp dụng công nghệ nuôi gà kết hợp đệm lót sinh học trong trại nuôi để tăng khả năng tự phân hủy của phân gà, làm giảm mùi hôi. Lớp trấu lót chuồng có độ xốp cao sẽ giúp cho phân gà được hủy nhanh giúp làm giảm mùi hôi trong trại nuôi. Ngoài ra, ít bị bệnh và tăng trưởng tốt sau này; gà nuôi trên nền trấu đệm lót không bị thối bàn chân, không bị què chân, lông mượt và sạch; gà có thịt chắc, thơm ngon, giảm tồn dư kháng sinh.

*Quá trình nuôi dưỡng gà:*

- Thức ăn: Lượng thức ăn sẽ được các công ty thức ăn cung cấp, tỷ lệ dinh dưỡng của thức ăn sẽ thay đổi theo độ tuổi của gà. Khi gà còn nhỏ cho gà ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần bỏ một ít thức ăn, thức ăn phải luôn mới. Sau 2

tuần số lần cho ăn trong ngày sẽ giảm dần. Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và chiều mát.

- Tiêm ngừa vaccin phòng bệnh gà:

+ 1 ngày tuổi: phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB), sử dụng vaccin IB chủng H120, liều lượng 2 giọt/con, nhỏ mũi hoặc miệng.

+ 3 ngày tuổi: phòng bệnh Niu-cát-xon (bệnh gà rù), sử dụng vaccin Niu-cát-xon chủng F, liều lượng 2 giọt/con, nhỏ miệng hoặc mắt ( mỗi bên mắt 1 giọt).

+ 7 ngày tuổi: phòng bệnh đậu gà, sử dụng vaccin đậu gà lọ dùng kim tiêm nhúng vào lọ vaccin, tiêm vào mắt trong cánh gà.

+ 10 ngày tuổi: Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro, sử dụng vaccin Gumboro , liều lượng 2 giọt/con, nhỏ miệng hoặc mắt (mỗi bên mắt 1 giọt).

+ 15 ngày tuổi: Phòng bệnh Cúm gia cầm, tiêm dưới da cổ vắc xin H5N1 liều 0.3ml/con. Bệnh này rất nguy hiểm có thể lây sang người nên cần chú ý tiêm đúng lịch.

+ 21 ngày tuổi: tiêm nhắc lại bệnh Niu-cát-xon chủng Lasota, sử dụng vaccin Niu-cát-xon chủng Lasota, liều lượng nhỏ mắt 2 giọt/con, hoặc cho uống 5ml/con.

+ 24 ngày tuổi: Phòng lại bệnh Gumboro bằng vaccin Gumboro, cho uống 5ml/con

+ 40 ngày tuổi: Phòng bệnh Tụ huyết trùng: vaccin Tụ Huyết trùng, liều 0.5ml/con, tiêm dưới da cổ hoặc da ức.

+ 2 tháng tuổi: Phòng bệnh Niu-cát-xon bằng vaccin Niu-cát-xon chủng M, liều lượng 0.5ml/con, tiêm dưới da cổ hoặc cơ ngực.

#### *Giai đoạn xuất bán gà thịt*

Gà nuôi khoảng 90 ngày đạt khối lượng trung bình khoảng 1,8 kg/con sẽ được xuất bán.

- Xuất gà thịt (1-2 ngày/trại/đợt): Thời gian thu gom gà và vận chuyển gà khỏi Cơ sở khoảng 1-2 ngày/trại/đợt. Cơ sở xuất gà lần lượt từng trại, hết trại này đến trại khác. Toàn bộ gà thịt sau khi xuất khỏi trại sẽ được chuyển đến các công ty, thương lái tiêu thụ gà thịt.

### Giai đoạn vệ sinh sát trùng chuồng trại

- Sau khi xuất hết gà, chủ cơ sở sẽ thu gom phân và chất độn nền vào bao ni lông bán cho khách hàng; sau đó cơ sở dùng nước vệ sinh nền trại, các dụng cụ chăn nuôi. Lượng trấu và phân gà thu gom vào khoảng 15 tấn/trại. Thời gian cơ sở thu gom phân, chất độn nền, vệ sinh nền trại, vệ sinh các dụng cụ chăn nuôi 2 ngày/trại.

- Phân, chất độn sau khi thu gom sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Sau đó sẽ tiêu độc khử trùng trại, dụng cụ chăn nuôi bằng vôi và Omnicide, để trống trại tối thiểu 7 ngày (trong trường hợp không có dịch bệnh) hoặc 21 ngày (trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra) trước khi nuôi đợt gà kế tiếp. Thường chủ cơ sở để trống trại 15 ngày rồi mới bắt đầu nuôi kế tiếp.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở thực hiện nuôi gà thịt: Trọng lượng bình quân: 1,8 kg/con; số lượng gà nuôi trong 1 năm là 465.000 con/năm (mỗi đợt nuôi là 155.000 con/đợt nuôi và 1 năm nuôi 3 đợt). Do đó khối lượng gà thịt là 155.000 con/đợt nuôi x 1,8 kg/con x 3 đợt = 837.000 kg/năm. Sản phẩm đầu ra của cơ sở là gà thịt đạt trọng lượng xuất chuồng sẽ được Công ty, thương lái thu mua lại toàn bộ.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

### 4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào

\* **Nhu cầu về con giống:** Gà thịt giống khoảng 155.000 con/đợt, được nhập từ Công ty cung cấp con giống và vận chuyển về trang trại bằng xe chuyên dụng.

\* **Nhu cầu về thức ăn:** Thức ăn cho gà được cung cấp bởi Công ty cung cấp thức ăn chăn nuôi. Ước tính trang trại sử dụng khoảng 540 tấn thức ăn/đợt nuôi. Cụ thể:

**Bảng 1.2. Thống kê lượng thức ăn sử dụng**

STT	Giai đoạn (ngày tuổi)	Lượng thức ăn (g/con/ngày)	Số lượng (con)	Tổng lượng thức ăn (tấn/ngày)
1	0 – 14	10 – 30	155.000	1,55 – 4,65

2	15 – 42	30 – 57		4,65 – 8,83
3	43 ngày trở đi	57 – 100		8,83 – 15,5

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

\* **Trấu lót chuồng:** Theo thực tế tại cơ sở mỗi trại chủ cơ sở sử dụng khoảng 400 bao trấu loại bao 100 dm<sup>3</sup> (100 lít) để lót nền, trọng lượng thực tế mỗi bao trấu chỉ khoảng 10 – 12kg/bao. Tương đương mỗi trại dùng khoảng 4 tấn trấu lót nền, 1 đợt nuôi cơ sở sử dụng khoảng 28 tấn trấu cho 7 dãy trại.

\* **Nhu cầu về thuốc:**

- Thuốc thú y, thuốc kháng sinh và các loại thuốc bổ sung dinh dưỡng trong quá trình chăn nuôi được Công ty chuyên sản xuất thuốc thú y cung cấp. Số lượng ước tính sử dụng trong 01 đợt nuôi của trang trại: khoảng 70% là thuốc nước (chứa trong chai) còn lại là thuốc viên và thuốc bột được bảo quản kín.

**Bảng 1.3. Nguyên – vật liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở**

STT	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Số lượng
1	Gà giống	655.000 con/năm
2	Thức ăn cho gà loại 25kg/bao	1.620 tấn/năm
3	Vôi để khử trùng mặt bằng, chuồng trại	4,5 tấn/năm
4	Formol 2-3% , thuốc sát khuẩn Biodine	300 lít/năm
5	Xút 2 -3 %	300 kg/năm
6	Trấu	84 tấn/năm
7	Chế phẩm sinh học EM	600 lít/năm
8	Clorine	300 kg/năm
9	Các loại hóa chất diệt ruồi: Oshin, 50EC, Bendona 10EC,...	300 lít/năm
10	Các loại thuốc thú y, vắc xin	Tùy theo từng thời điểm giai đoạn tuổi gà. Trung bình 3.000 lọ/năm



(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

#### 4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:

- Dầu Diezen, nhớt chạy máy phát điện: Chủ yếu dùng để vận hành máy phát điện dự phòng khi có sự cố cúp điện. Do mạng lưới điện quốc gia ít gặp sự cố nên lượng dầu sử dụng không nhiều. Trong trường hợp xấu nếu mỗi tháng mất điện 4 ngày thì nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tối đa cho máy phát điện khoảng 15 lít/giờ, lượng nhớt sử dụng khoảng 10 lít/năm.

- Gas để nấu ăn: khoảng 6 kg/tháng.

#### 4.3. Nhu cầu cung cấp điện, nước:

##### \* Nhu cầu về điện:

Nguồn điện cung cấp cho cơ sở là điện 3 pha được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia, do Điện lực huyện Châu Thành cung cấp.

Điện dùng cho các hoạt động dân dụng của công nhân được tính trên cơ sở chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt là 750 kWh/năm (tương đương 2,05 kWh/ngày) – Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Điện dùng sinh hoạt cho 14 người ( $\mathbb{D}_{SHHD}$ ).

$$\mathbb{D}_{SHHD} = 14 \text{ người} * 2,05 \text{ kWh/người/ngày} = 28,7 \text{ kWh/ngày}$$

Nhu cầu điện dùng cho vận hành máy móc, thiết bị sản xuất ( $\mathbb{D}_{MMHD}$ ):

$$\mathbb{D}_{MMHD} = 211,3 \text{ kWh/ngày (do thông số kỹ thuật máy móc của nhà sản xuất)}$$

+ Điện chiếu sáng: 16,3 kWh/ngày

+ Điện dây chuyền hệ thống máy móc: 55 kWh/ngày

+ Điện vận hành hệ thống quạt hút: 140 kWh/ngày

Tổng lượng điện tiêu thụ trong giai đoạn cơ sở đi vào hoạt động ( $\mathbb{D}_{HD}$ ):

$$\mathbb{D}_{HD} = \mathbb{D}_{MMHD} + \mathbb{D}_{SHHD} = 28,7 + 211,3 = 240,0 \text{ kWh/ngày} \approx 7.200 \text{ kWh/tháng.}$$

\* **Nhu cầu cấp nước:** Nguồn nước sử dụng cho Cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất thông qua giếng khoan (02 giếng khoan trong khuôn viên cơ sở) với lưu lượng khai thác 9,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng cấp nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn khoảng 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở đi vào

hoạt động với tổng số công nhân, người lao động làm việc là 14 người. Do đó, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt ( $Q_{SH}$ ) là:

$$Q_{SH} = (14 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm}) = 1,12 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

- Nước cấp cho các trại gà:

+ *Nước uống cho gà ( $Q_{NUCG}$ ):* Theo định của công ty cung cấp thức ăn thì (1 kg thức ăn sẽ sử dụng 1 lít nước). Do đó, ước tính lượng nước cấp cho gà uống của cơ sở trong 01 đợt nuôi là  $540 \text{ m}^3$ . Vậy lượng nước tối đa cần cung cấp cho gà uống hàng ngày ( $Q_{NUCG}$ ) tại cơ sở là:  $540 : 90 \text{ (ngày)} = 6,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ *Nước cấp cho hệ thống làm mát:* Hệ thống làm mát được lắp đặt ở cuối mỗi trại là 8 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn gà. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là  $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Vậy lượng nước Cơ sở cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 7 trại ( $Q_{LM}$ ) là  $1,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Như vậy, tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở ( $Q_{HD}$ ):

$$Q_{HD} = Q_{SHCN} + Q_{NUCG} + Q_{LM} = 1,12 + 6 + 1,4 = 8,52 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

+ *Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi:* cơ sở còn sử dụng nước phục vụ cho việc vệ sinh chuồng trại sau quá trình chăn nuôi (khoảng 4 tháng vệ sinh 1 lần). Trang trại chủ yếu sử dụng máy xịt áp lực cao để vệ sinh chuồng trại với áp lực tối đa 110 bar (1,6 SPI) lưu lượng chảy tối đa 370 lít/giờ, ước lượng sử dụng khoảng  $3 \text{ lít/m}^2$  nên nhu cầu sử dụng nước vệ sinh ( $Q_{VS}$ ) rất ít khoảng  $5 \text{ m}^3$  cho 1 trại nuôi (khoảng  $35 \text{ m}^3$  cho 7 trại, mỗi ngày vệ sinh một trại).

Tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình vệ sinh chuồng trại, kết thúc đợt nuôi như sau: (*kết thúc đợt nuôi không sử dụng nước cho gà uống và nước làm mát*).

$$Q = Q_{VS} + Q_{SH} = 5 + 1,12 = 6,12 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

+ *Nước sử dụng cho PCCC:* Nguồn nước phục vụ cho PCCC được lấy từ nguồn nước trong các ao tại khuôn viên cơ sở theo Thông tư liên tịch số: 04/2009/TTLT/BXD-BCA ban hành ngày 10/04/2009.

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Quá trình xây dựng trang trại:

“Trại chăn nuôi gà thịt An Hiệp” của hộ kinh doanh Phạm Văn Rur tiền thân là “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp – Công ty TNHH Dư Hoài” được hình thành năm 2015 từ sự hợp nhất giữa 03 cơ sở, cụ thể là:

- Trại chăn nuôi gà đẻ trứng thuộc DNTN Trần Thanh Đại, xây dựng và đi vào hoạt động năm 2012.

- Trại chăn nuôi heo, gà cá thể Trần Văn Sơn, xây dựng và đi vào hoạt động năm 2014.

- Thời điểm năm 2015 Công ty TNHH Dư Hoài đã xây dựng thêm 02 dãy chuồng nuôi gà mới. Sau đó, Công ty TNHH Dư Hoài thuê lại toàn bộ diện tích đất, tài sản gắn liền trên đất của Trại chăn nuôi gà đẻ trứng thuộc DNTN Trần Thanh Đại và Trại chăn nuôi heo, gà cá thể Trần Văn Sơn để thành lập Cơ sở.

Từ năm 2015, trang trại hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2200263867, đăng ký lần đầu ngày 03/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/05/2013, do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp. Năm 2017, Trang trại được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài” tại Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22/3/2017.

Năm 2018, trang trại ngừng nuôi heo chỉ tập trung nuôi gà đẻ trứng.

Hiện nay, do nhu cầu thị trường chủ cơ sở thay đổi hình thức chăn nuôi từ gà đẻ trứng sang chăn nuôi gà thịt.

*Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét cấp Giấy phép môi trường cho trang trại để trang trại có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với quy mô: 155.000 con gà/đợt nuôi. Mỗi đợt nuôi khoảng 04 tháng, mỗi năm 3 đợt tương đương với 465.000 con gà.*

### 5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Tổng diện tích của cơ sở là 38.589 m<sup>2</sup>, gồm các hạng mục như sau:

**Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạng mục chính</b>	-	<b>11.328,4</b>	-
1	Trại 1	01	1.120	Hiện hữu
2	Trại 2	01	1.879,2	Hiện hữu
3	Trại 3	01	1.879,2	Hiện hữu
4	Trại 4	01	1.800	Hiện hữu
5	Trại 5	01	1.600	Hiện hữu
6	Trại 6	01	1.500	Hiện hữu
7	Trại 7	01	1.200	Hiện hữu
8	Kho chứa thức ăn	07	350	Hiện hữu
<b>II</b>	<b>Hạng mục phụ trợ</b>	-	<b>11.594,6</b>	
1	Khu vực máy phát điện	01	15	Hiện hữu
2	Nhà ở công nhân	02	60	Hiện hữu
3	Nhà kho	01	30	Hiện hữu
4	Đường nội bộ, sân bãi, đất trồng và các hạng mục khác.	01	11.462,6	Hiện hữu
5	Hệ thống cấp nước	03	27	Hiện hữu
6	Hệ thống cấp điện	01	-	Hiện hữu
7	Hệ thống tiếp đất và chống sét	01	-	Hiện hữu
8	Hệ thống PCCC	01	-	Hiện hữu
<b>III</b>	<b>Hạng mục bảo vệ môi trường</b>	-	<b>15.666,0</b>	
1	Kho chất thải nguy hại	01	4	Hiện hữu
2	Nhà vệ sinh	01	15	Hiện hữu
3	Hệ thống thoát nước	01	-	Hiện hữu
4	Ao sinh học 1	01	500	Hiện hữu
5	Ao sinh học 2	01	500	Hiện hữu
6	Ao sinh học 3	01	500	Hiện hữu
7	Ao sinh học 4	01	3.000	Hiện hữu
8	Ao sinh học 5	01	1.840	Hiện hữu
9	Ao sinh học 6	01	1.250	Hiện hữu

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
10	Hố thu gom nước thải	07	7	Hiện hữu
11	Khu vực xử lý gia cầm chết không do dịch bệnh	01	50	Hiện hữu
12	Khu vực xử lý gia cầm chết do dịch bệnh	01	2.500	Hiện hữu
13	Cây xanh	-	5.500	Hiện hữu
<b>Tổng cộng</b>			<b>38.589</b>	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

**\* Mô tả chi tiết hạng mục công trình của cơ sở:**

**Hạng mục công trình chính**

- **Trại nuôi gà:** Bao gồm 07 dãy trại nuôi, tổng diện tích 07 dãy trại nuôi là 10.978,4 m<sup>2</sup> được xây dựng 07 dãy liên tục nằm song song nhau với loại hình nhà cấp IV.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 01 m, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

+ Quy cách các trại: Trại 1 có kích thước: 16m x 70m = 1.120 m<sup>2</sup>

Trại 2,3 có kích thước: 14,5m x 129,6m = 1.879,2 m<sup>2</sup>

Trại 4 có kích thước: 18m x 100m = 1.800 m<sup>2</sup>

Trại 5 có kích thước: 16m x 100m = 1.600 m<sup>2</sup>

Trại 6 có kích thước: 20m x 75m = 1.500 m<sup>2</sup>

Trại 7 có kích thước: 20m x 60m = 1.200 m<sup>2</sup>

**- Kho thức ăn:**

Tổng diện tích là 350 m<sup>2</sup> được xây dựng liền kề ở đầu trại.

Kết cấu thiết kế: loại hình nhà cấp IV

- + Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.
- + Quy cách: 5m x 10m= 50 m<sup>2</sup>.

### **Hang mục công trình phụ trợ**

#### **- Khu vực máy phát điện**

Diện tích 15m<sup>2</sup> được xây dựng với loại hình nhà cấp IV. Nền tráng bê tông, mái lợp tole, khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

#### **- Khu nhà ở công nhân**

Có 2 nhà ở với diện tích mỗi nhà 30m<sup>2</sup>.

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

#### **- Nhà kho**

Diện tích 30m<sup>2</sup> được xây với loại hình nhà cấp IV. Nền tráng bê tông, mái lợp tole, khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế. Dùng để chứa các vật dụng, công cụ phục vụ cho quá trình chăn nuôi, sản xuất.

#### **- Đường nội bộ, sân bãi, đất trống và các hạng mục khác**

Diện tích 11.462,6 m<sup>2</sup>.

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liên kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường bê tông: 4 m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của cơ sở được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vững chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

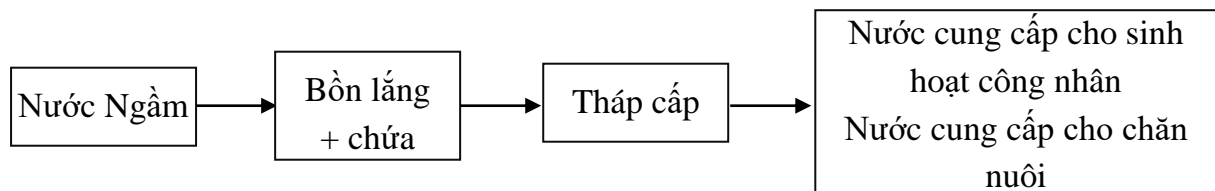
Hàng rào: Mặt trước cơ sở hướng đường Quốc lộ 1A được xây dựng tường cao 4m có cổng, xung quanh cơ sở hàng rào được đổ đà, trụ bê tông sử dụng lưới B40 bao quanh.

**- Hệ thống cấp nước:**

Nguồn nước cho sinh hoạt của cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm trong khu vực cơ sở.

Nguồn nước cho hoạt động chăn nuôi được lấy từ giếng khoan cầu cơ sở.

Cơ sở có tổng 02 giếng khoan ở mỗi dãy trại cung cấp đầy đủ nước cho sinh hoạt và chăn nuôi. Nước ngầm sẽ được đưa qua công đoạn lắng, bơm lên đài nước và phân phối đến mạng lưới sử dụng theo sơ đồ sau:



**Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm**

**- Hệ thống cấp điện:**

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là điện lưới quốc gia đường dây trung áp 22KV. Để đảm bảo các thiết bị không bị hư hỏng trong trường hợp cắt điện vì nguồn điện chính bị lỗi nguồn điện khẩn cấp phục vụ hoạt động được thiết kế tự cung cấp sử dụng máy phát điện dự phòng.

**- Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét:**

Đặc điểm kỹ thuật đặt ra các yêu cầu chi tiết để chống sét cho các công trình phục vụ cho hoạt động của cơ sở là lắp đặt thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất, đồng thời cũng phục vụ trong điều kiện sử dụng mái bê tông cốt thép, dầm, cột và móng có thép khi tiếp xúc thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất.

Đặc điểm kỹ thuật của phân tích chi tiết các hệ thống tiếp đất khác nhau bao gồm hệ thống TN-S, TN-C, TN-C-S, TT, TI và đưa ra yêu cầu kỹ thuật an toàn chi tiết để tiếp đất của các hệ thống khác nhau.

Tiếp đất: Các lõi vào mỗi nguồn điện đều được âm dưới đất nhiều lần. Tiếp đất cho sét và tiếp đất bảo vệ sử dụng cùng một hệ thống tiếp đất. Tất cả các thiết bị tiếp đất đều được kết nối với nhau để hình thành mạng tiếp đất.

**- Hệ thống PCCC:**

Sử dụng các bình bột chữa cháy và nước từ giếng khoan. Hệ thống chữa cháy bằng các bình xách tay (bình bột  $\text{CaCO}_3$ , bình khí  $\text{CO}_2$ ). Các hộp nước bình chữa cháy xách tay (bình bột  $\text{CaCO}_3$ , bình khí  $\text{CO}_2$ ) đặt ở tại những vị trí cần thiết.

**Hang mục công trình bảo vệ môi trường**

**- Kho chất thải nguy hại:**

Diện tích 4 m<sup>2</sup>, kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có thùng chứa có nắp đậy, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**- Nhà vệ sinh + hầm tự hoại:**

Diện tích 15 m<sup>2</sup>, kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

**- Hệ thống thoát nước:**

+ Hệ thống thoát nước mưa: lượng nước mưa chảy tràn trên mái các dãy nhà và trại nuôi được thu gom theo các rãnh thoát nước của cơ sở. Sau đó được dẫn về Ao sinh học.

+ Hệ thống nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt của người lao động từ nhà vệ sinh được đưa về bể tự hoại 03 ngăn kết hợp với chế phẩm sinh học để xử lý.



+ Hệ thống thoát nước thải chăn nuôi: Nước thải vệ sinh chuồng trại cuối mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom vào các hố thu gom nước thải ở cuối dãy trại thông qua các rãnh thoát nước được bố trí dọc các dãy trại nuôi. Sau đó nước thải chảy vào Ao sinh học để tiếp tục xử lý sinh học. Nước thải sau khi xử lý tại Ao sinh học được khử khuẩn, khử trùng và được lưu chứa tại Ao sinh học của cơ sở, không thải ra môi trường bên ngoài. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B.

**- Hệ thống ống thu gom nước thải trong trại:**

07 hệ thống ống thu gom nước thải có tổng diện tích 07m<sup>2</sup> được bố trí tại cuối mỗi dãy chuồng nuôi với mục đích thu gom nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi.

**- Ao sinh học:**

06 Ao có tổng diện tích 7.590 m<sup>2</sup>, cụ thể Ao sinh học số 01 có diện tích khoảng 500 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 2.000 m<sup>3</sup>, Ao sinh học số 02 có diện tích 500 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 2.000 m<sup>3</sup>, Ao sinh học số 03 có diện tích 500 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 2.000 m<sup>3</sup>, Ao sinh học số 04 có diện tích 3.000 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 12.000 m<sup>3</sup>, Ao sinh học số 05 có diện tích 1.840 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 7.360 m<sup>3</sup>, Ao sinh học số 06 có diện tích 1.250 m<sup>2</sup> sâu 4m với thể tích 5.000 m<sup>3</sup>. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,... để xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B.

**- Khu vực xử lý gia cầm chết khi không có dịch bệnh**

Được bố trí tại khu đất trống cạnh dãy chuồng 01 của cơ sở với diện tích khoảng 50m<sup>2</sup> (cách dãy chuồng nuôi 30m), xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp.

**- Khu vực xử lý gia cầm chết khi có dịch bệnh xảy ra**

Chủ cơ sở bố trí khu vực có diện tích là 2.500 m<sup>2</sup> để xử lý xác gia cầm chết khi xảy ra dịch bệnh.

**- Cây xanh:**

Diện tích 5.500 m<sup>2</sup>

Cây xanh được bố trí trồng dọc theo tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan cho cơ sở. Cây xanh được trồng ở xung quanh cơ sở nhất là khu vực cuối hướng gió sau các quạt hút của các dãy trại tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

**Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở**

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Tình trạng thiết bị	Năm SX
1	Máng ăn tự động	Bộ	10	-	Đã sử dụng	2012
2	Máng ăn tự động	Bộ	04	-	Đã sử dụng	2015
3	Máng uống tự động	Bộ	10	-	Đã sử dụng	2012
4	Máng uống tự động	Bộ	04	-	Đã sử dụng	2015
5	Quạt hút làm mát	Cái	36	1 HP	Đã sử dụng	2012
6	Quạt hút làm mát	Cái	20	1HP	Đã sử dụng	2015
7	Tấm làm mát	Tấm	100	-	Đã sử dụng	2012
8	Tấm làm mát	Tấm	22	-	Đã sử dụng	2015
9	Máy phát điện	Cái	02	125 kVA	Đã sử dụng	2012
10	Hệ thống điện	-	5	-	Đã sử dụng	2012
11	Hệ thống điện	-	2	-	Đã sử dụng	2015
12	Bồn nhựa chứa nước	Cái	05	1 m <sup>3</sup>	Đã sử dụng	2012
13	Bồn nhựa chứa nước	Cái	05	1 m <sup>3</sup>	Đã sử dụng	2015
14	Máy bơm nước	Cái	5	1 HP	Đã sử dụng	2012

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Tình trạng thiết bị	Năm SX
15	Máy bơm nước	Cái	5	1 HP	Đã sử dụng	2015
16	Máy phun nước áp lực cao	Cái	02	1,5 HP	Đã sử dụng	2020

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

#### 5.4. Tổ chức quản lý của Cơ sở:

Chủ cơ sở trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà thịt An Hiệp”.

## CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Trang trại ông Phạm Văn Rư góp phần phát triển nông nghiệp của tỉnh, vào mục tiêu phát triển các lĩnh vực đang được thu hút đầu tư, đóng góp quan trọng trong chiến lược và quy hoạch phát triển ngành, qua đó sẽ góp phần thúc đẩy và tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, Cơ sở còn phù hợp với mục tiêu xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất lớn, tập trung, hiện đại, hiệu quả; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động ngành chăn nuôi.

Với mục tiêu này sẽ đáp ứng nhiệm vụ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Một trong những nội dung của quyết định là xác định nhiệm vụ giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải rắn, nguy hại để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

Về sự phù hợp với kế hoạch sử dụng đất: dự án hoàn toàn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của huyện Châu Thành.

### 2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (04 tháng) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, cơ sở sử dụng máy phun nước áp lực cao nên lượng nước sử dụng rất ít, lưu lượng 5 m<sup>3</sup>/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 35 m<sup>3</sup>. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là Ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.

Theo khoản 1 điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải,

sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD<sub>5</sub>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

### CHƯƠNG III.

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tổng diện tích đất của Cơ sở là 38.589 m<sup>2</sup>, với lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong năm 2021 (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng), lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của Cơ sở vào thời điểm mưa lớn nhất được tính như sau:

$$V = Q/30 \times (1 - \psi) \times S$$

Q: lượng mưa cao nhất trong tháng (Q= 0,324m).

S: diện tích (S: 38.589 m<sup>2</sup>)

$\psi$ : hệ số thấm ( $\psi$  : 0,2 theo TCN 153:2006).

$$V = 0,324/30 \times (1 - 0,2) \times 38.589 = 333,41 \text{ m}^3.$$

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích Cơ sở khoảng 333,41 m<sup>3</sup>/ngày (khi có mưa lớn nhất trong tháng).

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và bố trí các rãnh thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lề đường,... đảm bảo nước mưa thoát vào các Ao sinh học trong khuôn viên của trang trại.

- Đối với nước mưa trên mái nhà: mái nhà sẽ được lắp đặt các máng xối thu gom nước mưa thoát vào đường ống có đường kính 114 mm chảy xuống các hố ga và rãnh thoát nước mưa của cơ sở, cuối cùng, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận là các Ao sinh học.

- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:

+ Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.

+ Vị trí thoát nước mưa: các Ao sinh học của trang trại

Bên cạnh đó, chủ cơ sở luôn duy trì việc nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mưa được thông suốt và sạch sẽ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và sản xuất của cơ sở.

(Sơ đồ thoát nước mưa được đính kèm trong phụ lục).

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải

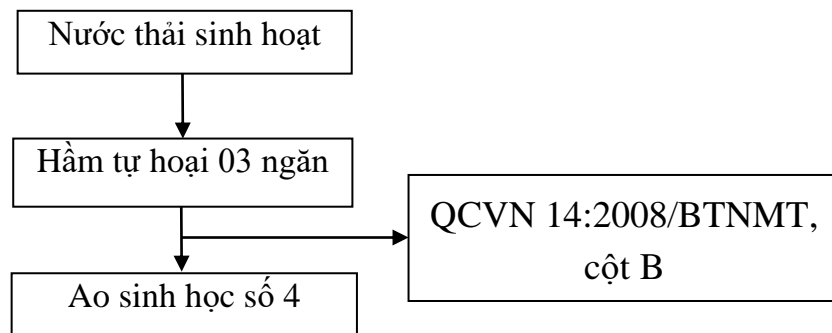
a) **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào hầm tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế là 05m<sup>3</sup> để loại bỏ phần cặn lắng, sau khi xử lý sẽ được dẫn vào Ao sinh học số 04 thông qua đường ống PVC D114, chiều dài khoảng 15 m.

b) **Nước thải chăn nuôi:** Nền chuồng có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào các hố thu gom nước thải được đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 1m x dài 1m x sâu 1m được bố trí bên trong mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy chuồng nuôi. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D114 chiều dài từ 10m - 30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào ao sinh học. Tại Ao sinh học diễn ra quá trình phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao để nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

## 1.3. Xử lý nước thải

### a) Nước thải sinh hoạt:

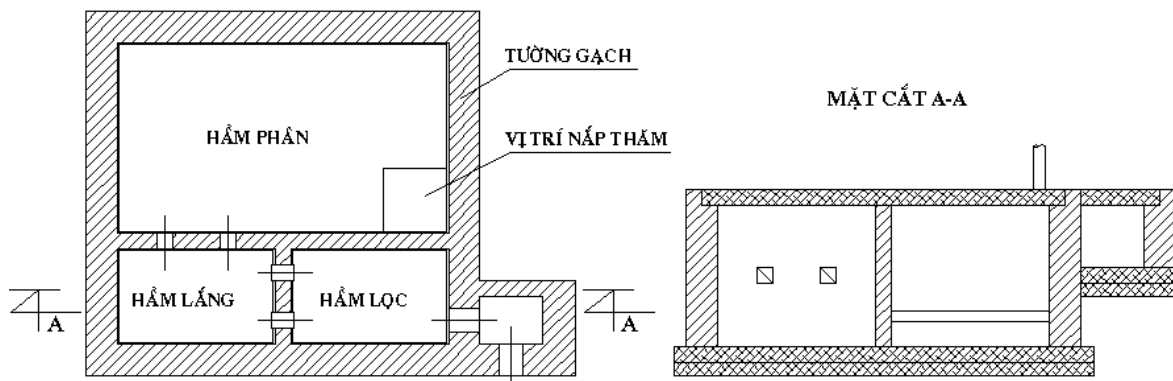
Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại cơ sở, kết hợp sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.



**Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở**

Bể tự hoại 03 ngăn có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng TSS. Bên cạnh đó, cơ sở còn sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.



**Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn**

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của cơ sở được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$



Trong đó:

$W_1$ : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại,  $W_1 = q.N.T_1/1000$ .

$W_2$ : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn,  $W_2$  được xác định bằng công thức sau:  $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$ .

q: tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy  $q = 96$  lít/ngày.

N: số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 14 công nhân, vậy lấy  $N = 14$

$T_1$ : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại,  $T_1 = 3$  ngày.

a: tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày,

$a = 0,81$  lít/ngày.

b: hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén,  $b = 0,7$ .

c: hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút,  $c = 1,2$ .

$p_1$ : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể,  $p_1 = 95\%$ .

$p_2$ : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén,  $p_2 = 90\%$ .

$T_2$ : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men,  $T_2 = 180$  ngày.

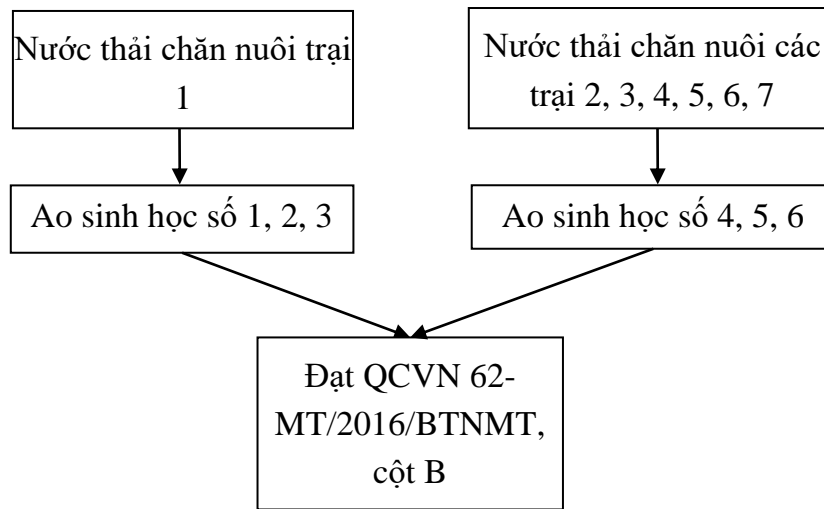
Như vậy, theo công thức (\*) tổng thể tích bể tự hoại là  $4,89 \text{ m}^3$ .

Trang trại sử dụng hầm tự hoại với thể tích  $05 \text{ m}^3$  nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại kết hợp với chế phẩm sinh học đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thoát vào Ao sinh học số 4 trong năm trong khuôn viên của trang trại bằng đường ống PVC D114, chiều dài khoảng 15 m.

#### **b) Nước thải chăn nuôi:**

Nước thải từ vệ sinh chuồng trại phát sinh khoảng  $35 \text{ m}^3/\text{đợt nuôi}$ ; do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 dãy trại; kéo dài trong khoảng 07 ngày nên lượng nước thải phát sinh là  $05 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ; có thành phần chủ yếu là rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các loại vi sinh, bên cạnh đó, nước thải của trang trại có nồng độ các chất ô nhiễm thấp vì chủ yếu là vệ sinh chuồng trại (lượng nước thải không bị lẫn phân trấu do phân gà và trấu được thu gom sạch sẽ trước). Toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom xử lý đạt quy

chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B và sẽ được lưu chứa tại Ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.



**Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở**

### **Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải**

Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D114 chiều dài từ 10m - 30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào Ao sinh học được bố trí cho các dãy trại nuôi. Cụ thể: trại 1 nước thải chăn nuôi được xử lý bằng 3 ao sinh học số 1, 2 và 3 mỗi ao có diện tích 500 m<sup>2</sup>, thể tích khoảng 2.000 m<sup>3</sup> giữa các ao có đường ống thông với nhau; nước thải các trại số 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sẽ chảy vào các ao sinh học số 4 có diện tích 3.000 m<sup>2</sup> và thể tích 12.000 m<sup>3</sup>, ao sinh học số 5 có diện tích 1.840 m<sup>2</sup> và thể tích 7.360 m<sup>3</sup>, ao sinh học số 6 có diện tích 1.250 m<sup>2</sup> và thể tích khoảng 5.000 m<sup>3</sup> giữa các ao này cũng đường ống thông với nhau. Tại Ao sinh học với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong hóa trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong ao lại tiêu thụ CO<sub>2</sub>, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70%-90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%). Đồng thời, chủ cơ sở sử dụng lục bình và các loài thực vật thủy sinh để tăng khả năng hấp thụ và xử lý các loại chất thải trong ao, định kỳ bổ sung clorin để xử lý trong trường hợp phát hiện nước tại ao sinh học có nguy cơ ô nhiễm hoặc không đạt quy chuẩn. Nước thải được lưu chứa tại ao và không thải ra ngoài tiếp nhận.

## Mô tả chi tiết hệ thống

### *Hệ thống ống thu gom nước thải*

Hệ thống ống thu gom nước thải được đặt ở cuối mỗi dãy trại để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau cuối mỗi đợt nuôi; lượng nước thải thu gom sau đó theo ống tròn bằng nhựa PVC D114 chiều dài từ 10-30m vào các Ao sinh học để xử lý.

### *Ao sinh học*

Nước thải sẽ chảy vào ao sinh học. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO<sub>2</sub>, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, phốtpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%).

**Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải**

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m <sup>3</sup> )	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
1	Hố thu gom	06	1	1 x 1 x 1	Thành và đáy bằng bê tông
2	Ao sinh học 1	01	2.000	12,5 x 40	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
3	Ao sinh học 2	01	2.000	12,5 x 40	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
4	Ao sinh học 3	01	2.000	12,5 x 40	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
5	Ao sinh học 4	01	12.000	20 x 150	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m <sup>3</sup> )	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
					manh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
6	Ao sinh học 5	01	7.360	20 x 92	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
7	Ao sinh học 6	01	5.000	25 x 50	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 8 quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải được thông thoáng.

- Dùng trấu làm chất độn nền (độ dày từ 5- 10cm) kết hợp với các chủng vi sinh trong chế phẩm sinh học EM Pro-1 để giúp phân hủy phân, nước tiểu của gà từ đó giảm thiểu mùi hôi.

- Sử dụng thức ăn có thành phần bổ sung men vi sinh đường ruột giúp gà tiêu hóa và hấp thụ dinh dưỡng tối đa làm phân gà thải ra có ít mùi hơn.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở và nhất là phía sau các quạt hút của các dãy chuồng nuôi. Phía sau các dãy trại nuôi chủ cơ sở trồng nhiều cây cỏ voi, với chiều cao hơn 2,5m, các cây cỏ voi trồng gần sát nhau tạo thành lớp chắn gió dày 2m phía sau quạt hút để hạn chế bụi và mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.

- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.

Như vậy, lượng mùi hôi đã bị giảm thiểu đáng kể, không gây ảnh hưởng đến hộ dân cách xa trong khu vực cơ sở.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt ăn uống của công nhân lao động. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng: 14 người x 0,8 kg/người/ngày = 11,2 kg/ngày với thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: vỏ rau củ hư hỏng, cơm, canh, rau thừa, bao nilon, hộp giấy,... Trong đó thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm 20 - 30% (bao nilon bẩn, hộp giấy, thủy tinh,...).

Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở bố trí khoảng 7 thùng rác 80 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các-tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bọc nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vứt bỏ.

#### **3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:**

- Phân gà và trâu lớt nền phát sinh từ các trại khoảng 105 tấn/đợt sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua

thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao). Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trâu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của các trại khác; do lượng trâu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn, các bao bì đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng cho trong 01 đợt là: 540 tấn, mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg, như vậy 01 đợt nuôi cơ sở sử dụng 21.600 bao thức ăn. Mỗi vỏ bao bì bao thức ăn có trọng lượng 0,1kg. Vậy tổng khối lượng bao bì phát sinh mỗi đợt nuôi là  $21.600 \text{ bao} \times 0,1\text{kg} = 2.160 \text{ kg} = 2,16 \text{ tấn}$  bao bì đựng thức ăn.

Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng  $50\text{m}^2$ , xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp. Lượng gà chết khoảng 1% tổng số đàn (khoảng 1.550 con/đợt, tương đương tối đa 2,79 tấn/đợt, khoảng 8,37 tấn/năm (tính theo gà đạt 1,8 kg/con), tuy nhiên số lượng gà chết tự nhiên mỗi ngày không đều và nếu chết không cũng nhiều trung bình khoảng 5-10 con/ngày. Công nhân thu gom gà chết trong ngày, vào mỗi buổi chiều sẽ thực hiện chôn lấp ở phần đất được bố trí. Hồ chôn lấp có kích thước tùy theo số lượng gà chết trong ngày (nhiều sẽ đào hồ to, ít sẽ đào hồ nhỏ). Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng  $01 \text{ kg vôi/m}^2$ , cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

**Bảng 3.2. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở**

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
-----	----------------	----------------------

1	Chất thải rắn sinh hoạt	4,1
2	Bao bì thức ăn	6,48
3	Phân gà và trâu lớt nền	315
4	Xác gà chết không do dịch bệnh (không phải CTNH)	8,37
<b>Tổng</b>		<b>333,95</b>

(Nguồn: Trang trại chăn nuôi gà thịt Phạm Văn Rư, 2024)

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ , xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 4m<sup>2</sup>. Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chai lọ đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được công ty cung cấp thuốc thu gom lại theo định kỳ để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

- Xác và phân gà chết do dịch bệnh:

+ Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ cơ sở thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus

phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup>, diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

+ Số lượng tối đa gà có trong trại 155.000 con.

+ Trọng lượng tối đa 01 con gà: 1,8 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 155.000 x 1,8 = 279.000 kg = 279 tấn và cần 279 hố chôn.

+ Lượng hỗn hợp phân trâu tối đa là: 15 tấn/trại, tương đương 105 tấn/đợt và cần 105 hố chôn.

+ Tổng khối lượng xác và phân gà chết do dịch bệnh là 384 tấn và cần 384 hố chôn.

+ Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn là: sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn là: 2 x 2 = 3 m<sup>2</sup>.

+ Vậy diện tích cần chôn gà chết và phân gà do dịch bệnh là : 384 x 3 m<sup>2</sup> = 1.152 m<sup>2</sup>.

+ Chủ Cơ sở bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 2.500 m<sup>2</sup>.

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m<sup>2</sup>, cho bao chứa xác gà và phân gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

**Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở**

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
-----	----------	---------	----------------------	-----------------



1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	20 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh gia cầm
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,5 kg/năm	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	Thắp sáng đường, chuồng nuôi, các đầu trại
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	Từ quá trình bảo dưỡng thiết bị
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 279 tấn	Từ quá trình chăn nuôi
7	Phân, trấu của gà chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 02	Tối đa 105 tấn	Từ quá trình chăn nuôi

(Nguồn: Trang trại chăn nuôi gà thịt Phạm Văn Rư, 2024)

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

### - Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

### - Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Khu vực đặt máy phát điện được che chắn cẩn thận hạn chế tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- + Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tiếng ồn trong quá trình hoạt động
  - + Lắp pô giảm âm thanh cho máy phát điện; Máy được đặt trên các tấm đệm lót chống rung.
  - + Máy phát điện được đặt ở khu vực riêng và được định kỳ bảo dưỡng cẩn thận
- Ngoài ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở tiến hành trồng cây xanh xung quanh.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

### **6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:**

Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Bón vôi vào Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải.
- + Ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ sở phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

### **6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:**

#### **a) Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường):**

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 105 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trấu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của các trại khác; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát

sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendon 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

**b) Chất thải nguy hại:**

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 4m<sup>2</sup>, được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Kho chất thải nguy hại của trang trại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu dùng khi xảy ra các sự cố, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;
- Có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

**6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:**

**a) Phòng ngừa dịch bệnh:**

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy chuồng.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát

quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

#### **b) Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:**

Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở sẽ thông báo cho ngành thú ý ở địa phương và đại diện Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với các đơn vị trên tiến hành tiêu hủy toàn bộ số gà bị mắc bệnh. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup>, diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

- + Số lượng tối đa gà có trong trại 155.000 con.
- + Trọng lượng tối đa 01 con gà: 1,8 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 155.000 x 1,8 = 279.000 kg = 279 tấn và cần 279 hố chôn.
- + Lượng hỗn hợp phân trấu tối đa là: 15 tấn/trại, tương đương 105 tấn/đợt và cần 105 hố chôn.
- + Tổng khối lượng xác và phân gà chết do dịch bệnh là 384 tấn và cần 384 hố chôn.
- + Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn là: sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn là: 2 x 2 = 3 m<sup>2</sup>.
- + Vậy diện tích cần chôn gà chết và phân gà do dịch bệnh là : 384 x 3 m<sup>2</sup> = 1.152 m<sup>2</sup>.
- + Chủ Cơ sở bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 2.500 m<sup>2</sup>.

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m<sup>2</sup>, cho bao chứa xác gà và phân gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

+ Khu vực chôn lấp được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu có hiện tượng bất thường như hố chôn vị sụt, lún, vỡ bề mặt,... sẽ sử dụng các biện pháp xử lý kịp thời là phủ thêm đất, lấp lại, phun hoá chất khử trùng,...

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 02 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

#### **6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:**

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

Không có

**8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:**

Không có

## CHƯƠNG IV.

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

##### a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở (từ quá trình vệ sinh 07 dãy trại sau mỗi đợt nuôi)

- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, người lao động tại trang trại.

##### b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 05 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 1,12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Lưu lượng xả thải tối đa 6,12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

##### c) Dòng nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải chăn nuôi sau quá trình xử lý và lưu chứa tại Ao sinh học.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải chăn nuôi sau xử lý sẽ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

**Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép**

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Dòng số 02: Nước thải sinh hoạt sau quá trình xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn kết hợp chế phẩm sinh học được xả vào Ao sinh học số 4 nằm trong khuôn viên của trang trại.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

**Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép**

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50
3	TSS	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
5	Sunfua	mg/L	4.0
6	Amoni	mg/L	10
7	Nitrat	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

**d) Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được lưu chứa tại ao sinh học và không xả thải ra nguồn tiếp nhận.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: (không có)**

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động (khi cơ sở bị mất điện).

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30' múi chiều 6<sup>0</sup>): X= 1068456; Y= 547061.



- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung**

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

#### **4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:**

##### **a) Chất thải sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh phát sinh tại cơ sở 11,2 kg/ngày được chủ cơ sở để thu gom vào 07 thùng rác 80 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các-tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bọc nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vớt bỏ.

##### **b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn chăn nuôi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở chủ yếu gồm: phân gà, bao bì đựng thức ăn,... Đối với từng loại chất thải rắn chăn nuôi, chủ trang trại sẽ có biện pháp xử lý đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở**

STT	Chủng loại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Phân gà và trâu	105 tấn/đợt nuôi	Được thu gom cho vào bao (mỗi bao khoảng 15 – 20 kg) và bán cho các đơn vị thu mua
2	Bao bì đựng thức ăn	2,16 tấn/đợt nuôi	Được thu gom và chứa vào kho của cơ sở, các bao bì đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.
3	Xác gà chết không do dịch	2,79 tấn/đợt nuôi	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hố chôn có diện tích 50 m <sup>2</sup> .

### c) Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại chủ yếu là chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm, nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, xe vận chuyển, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải và xác gia cầm chết do dịch (trường hợp có dịch bệnh xảy ra). Chủ trang trại sẽ có biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở**

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	20 kg/năm	Chủ trang trại sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong 03 thùng nhựa loại 80 lít/thùng, có dán nhãn và lưu chứa tại Kho chất thải nguy hại có diện tích 4m <sup>2</sup> . Chủ trang trại sẽ hợp đồng với các đơn vị
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,5 kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	

4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	chức năng để tiến hành thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/năm theo đúng quy định của pháp luật.
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 279 tấn	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hồ chôn có diện tích 2.500 m <sup>2</sup> được bố trí ở khu đất trống cơ sở.
7	Phân, trấu của gà chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 02	Tối đa 105 tấn	

## CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Vì vậy, chủ cơ sở lấy kết quả quan trắc nước thải năm 2024.

### Thời gian thực hiện quan trắc:

Ngày 19/09/2024.

### Đơn vị thực hiện quan trắc

- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú.
- Địa chỉ liên hệ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.66604779
- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, phòng thí nghiệm đạt chứng nhận Vimcerts 292, đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

### Vị trí lấy mẫu thực hiện quan trắc

Tọa độ vị trí lấy mẫu quan trắc (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 6<sup>0</sup>):

- NT01: X = 1068476; Y = 547260 tại ao sinh học 3.
- NT02: X = 1068451; Y = 547120 tại ao sinh học 4.

### Kết quả quan trắc đối với nước thải

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN62-MT:2016/BT NMT, cột B
			NT.01	NT.02	
1	pH	-	7,1	7,6	5,5-9
2	TSS	mg/L	39	52	150
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	52	40	100

4	COD	mg/L	71,6	68,4	300
5	Tổng N	mg/L	47	42	150
6	Coliform	MPN/100mL	$1,8 \times 10^3$	$2,1 \times 10^3$	$5 \times 10^3$

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú)

**\* Nhận xét:**

Kết quả phân tích nước thải sau xử lý tại các ao sinh học của cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

## CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Chủ cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, do cơ sở đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Công văn số 1666/STNMT-BVMT ngày 28/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

### 2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:

#### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc trường hợp phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường, chủ cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc nước thải, cụ thể như sau:

#### \* Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát: 02 điểm, tại 02 ao sinh học số 3 và 4 của cơ sở.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, giá trị C<sub>max</sub>, cột B, với hệ số K<sub>q</sub> = 0,6 và K<sub>f</sub> = 1,3. Áp dụng giá trị tối đa cho phép C<sub>max</sub> = C (không áp dụng hệ số k<sub>q</sub> và k<sub>f</sub>) đối với thông số pH và tổng coliform.

#### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

#### 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

- Giám sát chất thải rắn, CTNH: Giám sát khối lượng và quá trình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải nguy hại phát sinh.

+ Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- + Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.
- Giám sát hệ thống phòng cháy chữa cháy, giám sát các dịch bệnh,...theo quy định hiện hành. Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ cơ sở bố trí kinh phí thực hiện công việc giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

**Bảng 6.1. Tổng kinh phí giám sát môi trường**

STT	Thành phần	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Thành tiền (đồng)
1	Giám sát nước thải	2	2	7.000.000VNĐ

**CHƯƠNG VII.  
KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA  
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất (2022 và 2023), tại cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.



## **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:**

Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

### **2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:**

Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn chăn nuôi đúng theo quy định của pháp luật; thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B, nước thải được lưu trữ trong các ao sinh học trong cơ sở không thải ra môi trường bên ngoài.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai cơ sở.

- Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Trang trại.

+ Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

+ Cam kết thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại như: gà bệnh, gà chết, các lọ vaccine, ống tiêm, kim tiêm vaccine sau khi sử dụng.

Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ;
- Sơ đồ mặt bằng của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước mưa của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước thải của trang trại;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận giấy phép môi trường và các văn bản liên quan.



## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của  
“Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Theo Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài” ngày 11/01/2017;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài” đã được hoàn chỉnh gửi kèm Công văn số 10/2017/MT ngày 01/3/2017 và số 11/2017/MT ngày 10/3/2017 của Công ty TNHH Dư Hoài;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 43/TTr-STNMT-MT ngày 15/3/2017),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài” được lập bởi Công ty TNHH Dư Hoài (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động

1.1. Vị trí: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Diện tích: 35.069 m<sup>2</sup>.

1.3. Công suất:

- Nuôi gà đẻ trứng: 155.000 con/đợt nuôi (trung bình nuôi 2 đợt/năm, gồm 07 chuồng nuôi).

- Nuôi heo thịt: 500 con/đợt nuôi (trung bình nuôi 2 đợt/năm, gồm 03 chuồng nuôi).

1.4. Tổng vốn đầu tư: 4.850.000.000 đồng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài”

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Đến trước ngày 30/6/2017, Chủ cơ sở phải hoàn thành túi ủ Biogas để xử lý chất thải từ quá trình chăn nuôi heo và thực hiện che chắn phía sau các chuồng nuôi gà.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, Chủ cơ sở báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện đến Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các điều kiện khác

3.1. Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Trại chăn nuôi heo, gà đẻ trứng An Hiệp - Công ty TNHH Dư Hoài” và những yêu cầu tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Dư Hoài.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với nội dung Đề án đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ TN&MT;
- Cty TNHH Dư Hoài;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện CT;
- UBND xã An Hiệp;
- Lưu: VT, KT



Lê Văn Hiếu



**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của Dự án “Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng- DNTN Trần Thanh Đại”

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:**

**I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:**

Tên chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Trần Thanh Đại.

Địa chỉ văn phòng: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Địa điểm hoạt động: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0979 303678

Tài khoản số: 7600201004250 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân Trần Thanh Đại. Mã số: 2200310806 đăng ký lần đầu ngày 17/03/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/6/2012. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 566/QĐHC-CTUBND ngày 12/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

**II. Nội dung xác nhận:**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng- DNTN Trần Thanh Đại” tại ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (tài Phụ lục kèm theo).

**III. Trách nhiệm của chủ dự án:**

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, Mục 2, Mục 3 và Mục 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. /

**Nơi nhận:**

- DNTN Trần Thanh Đại;
- Thanh tra Sở;
- Phòng CSPCTP về Môi trường;
- Phòng TN&MT huyện Châu Thành;
- Lưu VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Trần Văn Chánh



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: /GXN-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

### 1. Công trình xử lý nước thải:

Đã xây dựng hệ thống công thoát nước thải từ quá trình chăn nuôi nằm dọc hai bên các chuồng trại.

- Bố trí và xây dựng hai (02) ao sinh học để xử lý nước thải từ quá trình chăn nuôi (Trong đó, thể tích ao sinh học số 01 là 1980 m<sup>3</sup> và thể tích ao sinh học số 02 là 2478 m<sup>3</sup>).

### 2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thiết kế xây dựng chuồng trại nuôi đảm bảo kín. Phía sau các quạt hút (quạt hút được đặt cuối các dãy chuồng nuôi) có dùng tole cao khoảng 2 m để hạn chế phát tán mùi hôi.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên trang trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và hạn chế phát tán bụi, mùi hôi ra môi trường xung quanh.

### 3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt của huyện Châu Thành.

- Chất thải rắn sản xuất: Bao chứa thức ăn được thu gom và tái sử dụng để chứa phân gà hoặc bán phế liệu. Lượng phân gà được thu gom vào các bao và bán cho các đơn vị sản xuất phân hữu cơ.

- Chất thải nguy hại: được thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại. Lượng thuốc, vắc-xin sau khi sử dụng được Công ty Cổ phần CP đến thu gom, vận chuyển về Công ty để quản lý, xử lý.

### 4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Có trang bị các bình PCCC trong khuôn viên trang trại theo quy định.

- Có bố trí khu vực đặt máy phát điện dự phòng, xây dựng tường rào và trồng cây xung quanh khu vực dự án.

- Có thực hiện tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin phòng bệnh cho gia cầm.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, ủng, bao tay,...

### 5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

- Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

- Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số:...../GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm 2016".

### 6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện châu thành.

Họ và tên (*chủ công trình*): DNTN Trần Thanh Đại

Địa chỉ: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: .....Email:

Mục đích khai thác, sử dụng nước: cho trang trại chăn nuôi

Vị trí công trình khai thác: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Số lượng giếng khai thác: 02

Độ sâu giếng khai thác: 90m

- Giếng 1: 90m

- Giếng 2: 90m

Tổng lượng nước khai thác: 09 (*m<sup>3</sup>/ngày đêm*)

Chế độ khai thác: 10 (*giờ/ngày đêm*)

Giấy tờ kèm theo bản đăng ký: hợp đồng khoan giếng, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

- Hợp đồng thi công giếng (trường hợp đã thất lạc hợp đồng thì ghi rõ đơn vị thi công; ngày, tháng, năm thi công).

- Bản cam kết.

DNTN Trần Thanh Đại cam kết chấp hành đúng nội dung trong bản đăng ký và các quy định của pháp luật có liên quan.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**



**CHỦ CÔNG TRÌNH**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Trần Thanh Đại*

Hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất bằng hệ thống giếng khoan của DNTN Trần Thanh Đại đã đăng ký tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành  
Số đăng ký.../... ĐK/KTNDD.

Châu Thành, ngày.../... tháng... năm 2014

**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(ký tên, đóng dấu)



**PHAN ĐỨC KHÁNG**

**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số:

Số phát hành GCN: <sup>S9</sup>

BG 824922

Tờ bản đồ số:

Số vào sổ cấp GCN: <sup>06</sup>

CH02135

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Đã xóa đăng ký thế chấp theo hồ sơ quản lý số 3059 ngày 27/12/2014</p> <p>Đã kê chấp bằng OSD đất và tài sản gắn liền với đất của Cty TNHH MTV Đư Hoài với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo hồ sơ quản lý số 2060 ngày 01 tháng 12 năm 2014.</p>	<p>Châu Thành, ngày 27/12/2014 Q. Giám Đốc</p> <p><i>Phạm Văn Nghĩa</i> Châu Thành, ngày 27/12/2014 Q. Giám Đốc</p> <p><i>Phạm Văn Nghĩa</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải kèm Giấy chứng nhận, mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: ....

3180/4D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **Trần Thanh Đại**

Năm sinh: 1973, CMND số: 365100036

Địa chỉ: ấp Năm Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

BG 824922

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 89, từ bản đồ số: 06  
 b) Địa chỉ: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.  
 c) Diện tích: 27059 m<sup>2</sup>. (bằng chữ: Hai mươi bảy nghìn không trăm năm mươi chín mét vuông).  
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 27059 m<sup>2</sup>; chung: không m<sup>2</sup>  
 đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác (NKH).  
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2013.  
 g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: --

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xây dựng trại nuôi gà.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà kho chứa phân.	208,6	208,6	Khung - Móng + Dà BTCT + Nền bê tông xi măng; VÍ kéo thép; Xà gỗ thép; Mái lợp tole sóng vuông; Tường gạch bao che.	Cấp 4	trệt	2011	-/-
Trại nuôi gà đã (04 trại).	6020	6020	Khung + Móng + Cột + Dà BTCT; Nền bê tông xi măng; Sườn dầm kèo; trần nhựa xanh; VÍ kéo thép; Xà gỗ thép; Mái lợp tole sóng vuông; Vách cao su bao che.	Cấp 4	trệt	2011	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Châu Thành, ngày 04. tháng 04. năm 2012

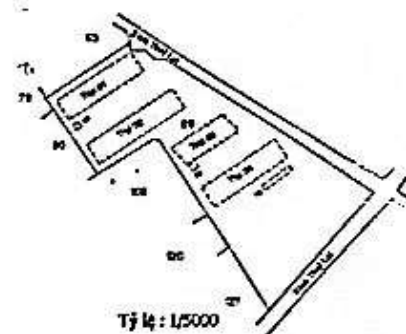
TMUBND HUYỆN CHÂU THÀNH  
 K. CHỦ TỊCH



Châu Đức Chông

Số hồ sơ cấp GCN: CH02135

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất





IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã thế chấp bằng QSD đất và tài sản khác gắn liền với đất cho DNTN Du Hoài với Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN tỉnh Sóc Trăng, theo hồ sơ quản lý số 2154 ngày 14 tháng 5 năm 2012.	Châu Thành, ngày 14/5/2012 Giám Đốc
Đất nông nghiệp khác tiếp tục sử dụng đất đến ngày 15 tháng 10 năm 2063.	Châu Thành, ngày 27/12/2014 Q. Giám Đốc



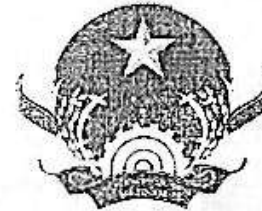
Tham Văn Nghĩa

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: Phạm Văn Rư**

Năm sinh: 1972, CMND số: 365 097 289

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**Bà: Trần Thị Kim Loan**

Năm sinh: 1972, CMND số: 365 100 148

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CB 652413

**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 65, tờ bản đồ số: 06  
 b) Địa chỉ: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.  
 c) Diện tích: 5418,0 m<sup>2</sup>. (bằng chữ: Năm nghìn bốn trăm mười tám phẩy không mét vuông).  
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 5418,0 m<sup>2</sup>; chung: Không m<sup>2</sup>  
 đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.  
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.  
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

**2. Nhà ở: -/-**

**3. Công trình xây dựng khác:**

Tên công trình: Trại Chân Gà

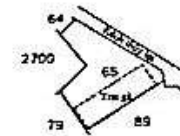
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Trại Chân Nuôi Gà	1879,2	1879,2	-/-	cấp 4	01 trệt	2015	-/-

**4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-**

**5. Cây lâu năm: -/-**

**6. Ghi chú: Không.**

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 09 tháng 12, năm 2015  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH



Trần Thị Kim Lân

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**Ông: Phạm Văn Rư**  
 Năm sinh: 1972, CMND số: 365 097 289  
 Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.  
**Bà: Trần Thị Kim Loan**  
 Năm sinh: 1972, CMND số: 365 100 148  
 Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

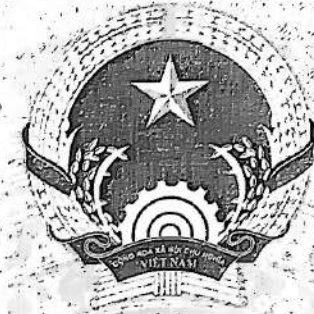
CB 455223



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: Phạm Văn Rư**

Năm sinh: 1972, CMND số: 365 097 289

Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CB 652323



**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 2700, tờ bản đồ số: 06
- b) Địa chỉ: ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- c) Diện tích: 2592,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai nghìn năm trăm chín mươi hai phẩy không mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 2592,0 m<sup>2</sup>; chung: Không m<sup>2</sup>
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 18/9/2065.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

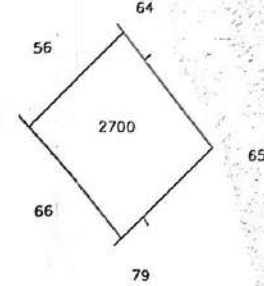
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**BẢN SAO**



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CT/M&S, QUYỀN SỐ... 01... TP/CT  
CHÂU THÀNH, ngày 10/10/2015...

**TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP**



*Cao Thùy Chiên Phương*

Tỷ lệ: 1/2000

Châu Thành, ngày 01 tháng 10 năm 2015  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH  
KỶ CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Sơn Pô*

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CH04114

TP. SÓC TRĂNG ←

QUỐC LỘ 1 A

→ TT. CHÂU THÀNH

KÊNH HẬU

KÊNH HẬU

**Chú thích:**

- Hướng thoát nước thải
- - -> Hướng thoát nước mưa
- ⊗ Giếng khoan
- ☐ Kho CTNH
- Khu vực xử lý gà chết do dịch bệnh

NVS

MPD

NOCN

CHUÔNG GÀ 2

AO SINH HỌC 4

CHUÔNG GÀ 3

CHUÔNG GÀ 4

AO SINH HỌC 5

CHUÔNG GÀ 5

CHUÔNG GÀ 6

AO SINH HỌC 6

CHUÔNG GÀ 7

KÊNH THỦY LỢI

AO SINH HỌC 1

AO SINH HỌC 2

CHUÔNG GÀ 1

AO SINH HỌC 3

KÊNH THỦY LỢI

